

Số: / KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 1322/QĐ-TTg*); Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 36/QĐ-TTg*); các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương về công tác năng suất, chất lượng và xuất phát từ yêu cầu phát triển, thực tiễn địa phương; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Đưa năng suất, chất lượng trở thành động lực phát triển quan trọng trong các ngành, lĩnh vực, thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học, công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Yêu cầu: Kế hoạch phải bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh mới. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương; các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với công tác năng suất, chất lượng, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh ở mức trên 55%; góp phần đạt mục tiêu tăng năng suất lao động của tỉnh bình quân 11%/năm trong giai đoạn 2026-2030.

2. Đào tạo về năng suất, chất lượng được ít nhất 1000 lượt người/năm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp.

3. Hằng năm, triển khai ít nhất 01 mô hình áp dụng tích hợp công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến để cải tiến năng suất, chất lượng trong doanh nghiệp (ISO 9001, ISO 14001, ISO 50001, ISO 45001, ISO/IEC 17025, HACCP, ISO 22000, BRCS, 5S-Kaizen, KPIs, TPM, Lean, 6 sigma, TWI ...); tập trung vào mô hình, công cụ cải tiến năng suất dựa trên nền tảng số, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh.

4. Hỗ trợ ít nhất 50% số doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật; vận động, hướng dẫn ít nhất 05 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia.

5. Xây dựng triển khai ít nhất 05 mô hình áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến (5S-Kaizen, ISO 9001, ISO 15189, ISO/IEC 17025, Lean...) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

6. Xây dựng mô hình điểm áp dụng công cụ 5S kết hợp với áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 21001 (hệ thống quản lý tổ chức giáo dục) tại các trường trung học phổ thông, cao đẳng trên địa bàn tỉnh (20% số trường trung học phổ thông, 50% trường cao đẳng).

7. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất thông minh, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

8. Phân đầu thành lập, duy trì 05 câu lạc bộ cải tiến năng suất, chất lượng tại các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần gắn kết hoạt động nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, thực hành về năng suất với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

9. Đào tạo, phổ biến kiến thức về năng suất trong lĩnh vực công cho cán bộ của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh. Áp dụng thí điểm các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến (Lean, 5S, ISO 18091, KPI, Kaizen...) vào hoạt động quản lý điều hành của hệ thống các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

10. Bảo đảm 100% các doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu được hỗ trợ cung cấp thông tin về tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng, gắn kết với các đề án, nhiệm vụ về khoa học công nghệ

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, truy xuất nguồn gốc.

b) Gắn kết chặt chẽ nội dung về năng suất, chất lượng với các chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, như: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia; Kế hoạch triển khai “Đề án áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030, định hướng thực hiện giai đoạn tiếp theo; Kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn

tỉnh Bắc Ninh; Đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030...

c) Đánh giá năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Bắc Ninh mới và xây dựng các giải pháp để nâng cao chỉ số TFP của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045.

2. Thông tin, tuyên truyền về năng suất, chất lượng

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến cải tiến năng suất, chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh vào doanh nghiệp.

b) Đa dạng các hình thức thông tin, truyền thông để phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất, chất lượng.

c) Tổ chức học tập kinh nghiệm các địa phương, doanh nghiệp triển khai có hiệu quả trong hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

d) Tăng cường hoạt động tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng.

3. Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng

a) Phổ biến và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn hóa, năng suất, chất lượng; mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, sở hữu trí tuệ và ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ cho cán bộ của các sở, ngành, doanh nghiệp, tổ chức.

c) Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo về năng suất, chất lượng và triển khai đào tạo cho một số trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và các cơ quan có liên quan hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo trong khuôn khổ các Chương trình đào tạo hằng năm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia.

4. Hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng

a) Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa... theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, áp dụng truy xuất nguồn gốc.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn Quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh

ngành; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

c) Tập trung nguồn lực xây dựng các dự án điểm về cải tiến năng suất, chất lượng tại doanh nghiệp, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước, tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

d) Vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia hằng năm.

5. Nâng cao năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

a) Tiếp tục duy trì và khai thác cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm, hàng hóa để kịp thời cung cấp cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có nhu cầu.

b) Tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm cho các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh.

6. Hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong doanh nghiệp, tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng

a) Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng.

b) Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ; nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm mới có thể tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, chuyển giao công nghệ, mô hình mới, hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong doanh nghiệp tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, hàng hóa.

7. Tăng cường các hoạt động hợp tác

a) Tăng cường hợp tác với các tổ chức năng suất trong và ngoài nước để tiếp thu, cập nhật các phương pháp mới, kinh nghiệm, kỹ thuật gia tăng năng suất, chất lượng.

b) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các dự án hợp tác nghiên cứu về giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng, các chương trình đào tạo, tư vấn, quảng bá và phát triển chuyên gia năng suất, chất lượng với các tổ chức quốc tế.

(Các nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục I kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bảo đảm từ ngân sách cấp tỉnh và được cấp hằng năm cho đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ (*có khái toán sơ bộ chi tiết hằng năm theo nhiệm vụ đính kèm*). Huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh có liên quan, Chủ tịch các UBND cấp xã cụ thể hoá, xây dựng kế hoạch giai đoạn và hằng năm để tổ chức thực hiện. Thường xuyên thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện. Trước ngày 20/11 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan thường trực, đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Đôn đốc các sở, ngành, các UBND cấp xã, các đơn vị liên quan thực hiện trách nhiệm triển khai Kế hoạch theo nhiệm vụ đã được phân công.

b) Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh, các sở, ngành chức năng có liên quan và các UBND cấp xã thông tin tuyên truyền và vận động doanh nghiệp tham gia Kế hoạch.

c) Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, lựa chọn đơn vị tư vấn đáp ứng yêu cầu của Kế hoạch và theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ký kết hợp đồng; theo dõi, chịu trách nhiệm và giám sát quá trình tổ chức triển khai; thực hiện các thủ tục thanh quyết toán kinh phí sau khi hoàn thành đảm bảo đúng theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đột xuất hoặc khi tổng kết Kế hoạch.

đ) Năm 2030, tham mưu UBND tỉnh tổng kết thực hiện Kế hoạch. Trước ngày 30/11 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tham mưu UBND tỉnh báo cáo gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa, hiệu quả của việc áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác lựa chọn các trường trung học phổ thông, cao đẳng xây dựng mô hình điểm áp dụng công cụ 5S kết hợp với áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 21001 tại các trường trung học phổ thông, trường cao đẳng.

c) Thực hiện việc duy trì, nhân rộng mô hình áp dụng công cụ 5S kết hợp với áp dụng điểm Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 21001 đối với các trường trung học phổ thông, trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Y tế

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác vận động, lựa chọn, triển khai áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến tại 05 lượt cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các mô hình áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh. Chủ trì nhân rộng các mô hình áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác đánh giá năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của tỉnh.

b) Chủ trì thẩm định dự toán, tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch trong giai đoạn 2026-2030.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán và bảo đảm kinh phí hằng năm cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo các quy định hiện hành.

6. Ban Quản lý các khu công nghiệp, Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác tuyên truyền, khảo sát, lựa chọn các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp tham gia mô hình điểm áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia; có nhu cầu hỗ trợ trong công tác nâng cao năng suất, chất lượng.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan phổ biến, nhân rộng các mô hình áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến cho các doanh nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý.

7. Liên minh hợp tác xã, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện nội dung nâng cao năng suất, chất lượng trong các hợp tác xã, làng nghề, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ các lĩnh vực liên quan đến nội dung Kế hoạch.

b) Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, hỗ trợ của các hợp tác xã, doanh nghiệp cho Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và giải quyết.

8. UBND cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia Kế hoạch, gắn kết các hoạt động kinh tế xã hội của địa phương với phong trào năng suất, chất lượng của tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có vướng mắc, phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan, thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Bắc Ninh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: LDVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX.^{Dũng}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

Phụ lục I
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Ghi chú
1	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng, gắn kết với các đề án, nhiệm vụ về khoa học công nghệ				
1.1	Sửa đổi Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 0/12/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	2025	
1.2	Tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa do địa phương thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	2026	
1.3	Triển khai Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia; Kế hoạch triển khai “Đề án áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030”; Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030, định hướng thực hiện giai đoạn tiếp theo. Kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hằng năm	

	khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.				
	Nghiên cứu, đánh giá năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) giai đoạn 2021-2025 và đề xuất các giải pháp nâng cao chỉ số TFP của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hàng năm	Thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN
2	Công tác thông tin, tuyên truyền				
2.1	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến, hướng dẫn áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến cải tiến năng suất, chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh vào doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hàng năm	
2.2	Tổ chức truyền thông, phổ biến về năng suất, chất lượng trên các phương tiện thông tin đại chúng	Sở Khoa học và Công nghệ, Báo và PTTH Bắc Ninh	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hàng năm	
2.3	Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu hỗ trợ áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia ...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hàng năm	
2.4	Tham quan học tập kinh nghiệm các địa phương, doanh nghiệp triển khai có hiệu quả trong hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã, các cơ sở giáo dục, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Hàng năm	
2.5	Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	2030 hoặc đột xuất	
3	Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng				

3.1	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn hóa, năng suất, chất lượng; mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, hộ chiếu số, nhãn điện tử sản phẩm, hàng hóa, sở hữu trí tuệ và ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ cho cán bộ của các sở, ngành, doanh nghiệp, tổ chức.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã, các cơ sở giáo dục, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Hằng năm	
3.2	Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo về năng suất, chất lượng và triển khai đào tạo cho một số trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục	2027-2028	Thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN
3.3	Thành lập và duy trì 05 câu lạc bộ cải tiến năng suất, chất lượng tại các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục	Hằng năm	
3.4	Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và các cơ quan có liên quan hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo trong khuôn khổ các Chương trình đào tạo hằng năm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã, các cơ sở giáo dục, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Hằng năm	
4	Hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng				
4.1	Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống, công cụ quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã, các cơ sở giáo dục, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Hằng năm	
4.2	Xây dựng và triển khai mô hình trong doanh nghiệp về áp dụng, áp dụng tích hợp công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến để cải tiến năng suất, chất lượng (ISO 9001, ISO	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	2027-2030	Thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN

	14001, ISO 50001, ISO 45001, ISO/IEC 17025, HACCP, ISO 22000, 5S-Kaizen, KPIs, TPM, Lean, work layout ...).				
4.3	Triển khai áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến (5S-Kaizen, ISO 9001, ISO 15189, ISO/IEC 17025, Lean...) tại ít nhất 5 lượt cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của công tác khám chữa bệnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	2026-2027	Thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN
4.4	Xây dựng mô hình điểm áp dụng công cụ 5S kết hợp với áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 21001- Hệ thống quản lý tổ chức giáo dục tại các trường trung học phổ thông, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (20% số trường trung học phổ thông, 50% trường cao đẳng).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026-2030	
4.5	Duy trì, nhân rộng mô hình áp dụng công cụ 5S kết hợp với áp dụng điểm Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 21001 đối với các trường trung học phổ thông, trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	
4.6	Hỗ trợ ít nhất 50% số doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hằng năm	
4.7	Vận động, hướng dẫn 5 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ			
4.8	Áp dụng thí điểm các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến (5S, ISO 18091, KPI...) vào hoạt động quản lý điều hành của hệ thống các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	2027-2030	Thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN
5	Nâng cao năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật				

5.1	Tiếp tục duy trì và khai thác cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm, hàng hóa để kịp thời cung cấp cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có nhu cầu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hằng năm	
5.2	Xây dựng mạng lưới đo lường của tỉnh Bắc Ninh. Phần đầu đến hết năm 2030, có 80% tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tham gia mạng lưới đo lường của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã		Thực hiện theo Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030, định hướng thực hiện giai đoạn tiếp theo.
5.3	Hỗ trợ các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường trên địa bàn tỉnh được công nhận mới hoặc mở rộng lĩnh vực được công nhận theo TCVN ISO/IEC 17025.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã		
6	Hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng				
6.1	Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hằng năm	
6.2	Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ; nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm mới có thể tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hằng năm	
6.3	Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm, chuyển giao công nghệ, mô hình mới tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, hàng hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hằng năm	
7.	Hoạt động hợp tác				
7.1	Hợp tác với các tổ chức năng suất trong và ngoài nước để tiếp thu và cập nhật các phương pháp mới, kinh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hằng năm	

	nghiệm, kỹ thuật gia tăng năng suất, chất lượng.				
7.2	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các dự án hợp tác nghiên cứu về giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng, các chương trình đào tạo, tư vấn, quảng bá và phát triển chuyên gia năng suất, chất lượng với các tổ chức quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, các UBND cấp xã	Hàng năm	

TT	Nội dung	Kinh phí	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I. Công tác thông tin, tuyên truyền									
1	Xây dựng phóng sự tuyên truyền về NSCL.	500	100	100	100	100	100	Sở KH&CN	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân
2	Tổ chức hội thảo về năng suất, chất lượng.	400	80	80	80	80	80	Sở KH&CN	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân
3	Học tập kinh nghiệm của các mô hình trong và ngoài tỉnh.	1.200	300	300	300	300		Sở KH&CN	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân
II. Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng									
1	Tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về năng suất, chất lượng.	7.000	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	Sở KH&CN	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân
III. Nâng cao năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật									

	Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống, công cụ quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn.	10.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000		Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân
	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật. (25 sản phẩm x 50tr).	1.250	250	250	250	250	250		Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân
IV. Tổ chức 01 hội nghị tổng kết kế hoạch		60					60	Sở KH&CN	Các Sở ban ngành; UBND cấp xã, Tổ chức, cá nhân
	Tổng	20.410	4.130	4.130	4.130	4.130	3.890		